TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22-6-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Sinh.

2. Bà Dương Thị Quyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 22-6-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 nám 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Út E, sinh năm 1988.

2. Bị đơn: Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2018, các lời khai của chị Nguyễn Thị Út E và tại phiên tòa sơ thẩm chị Út E trình bày: Vào năm 2003 chị Út E và anh Đ có tổ chức lễ cưới, sống chung với nhau và đến năm 2009 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Công Chí, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Trong quan hệ hôn nhân có 03 con chung tên là Nguyễn Văn S, sinh ngày 10-01-2005; Nguyễn Hữu L, sinh ngày 05-01-2008 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 22-3-2013.

Từ ngày sống chung nhau thì có hạnh phúc, nhưng đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nhận thấy tình cảm đã bị rạn nứt không thể hàn gắn lại được có sống chung cũng không còn hạnh phúc nên chị Út E và anh Đ đã ly thân từ năm 2014, chị Út E đi làm thuê ở Bình Dương.

Ngày 29-6-2017 chị Út E đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, anh Đ không đồng ý ly hôn và hứa khắc phục không say xỉn nữa, không chửi mắng vợ con nên chị Út E đã rút đơn khởi kiện, Tòa án ra quyết định đình chỉ số 58/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017. Tuy nhiên anh Đ vẫn không sửa chữa, nên nay chị Út E nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Út E yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

- Về con chung: Theo như trong đơn khởi kiện thì chị Út E yêu cầu được nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng, nhưng vào ngày 09-4-2018 chị Út E khai và tại phiên tòa sơ thẩm chị Út E thay đổi: Chị Út E yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Văn S, sinh ngày 10-01-2005 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 22-3-2013 (Hiện cháu N và cháu S đang sống chung với chị Út E và cháu S có nguyện vọng sống chung với chị Út E), chị Út E không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Còn đối với con chung tên Nguyễn Hữu L, sinh ngày 05-01-2008 chị Út E đồng ý để anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng (Hiện cháu L đang sống chung với anh Đ và cháu L có nguyện vọng sống chung với anh Đ), chị Út E không tự nguyện cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong giai đoạn từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho anh Nguyễn Hữu Đ, anh Đ đều ký nhận, nhưng anh Đ vẫn không đến Tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Hữu Đ có lời khai vào ngày 04-3-2018 có trong hồ sơ vụ án như sau: Thống nhất theo lời trình bày của chị Út E. Vào năm 2003 anh Đ và chị Út E sống chung với nhau đến năm 2009 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Công Chí. Trong quan hệ hôn nhân có 03 con chung tên là Nguyễn Văn S, sinh ngày 10-01-2005;

Nguyễn Hữu L, sinh ngày 05-01-2008 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 22-3-2013. Nay chị Út E yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng giải quyết thì anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh Đ thừa nhận tình cảm vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã đến nay chưa hàn gắn được, anh Đ và chị Út E đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, nhưng anh Đ không đồng ý ly hôn với chị Út E, vì còn thương vợ, con. Nếu như Tòa án cho ly hôn thì anh Đ ý kiến như sau:

- Về con chung: Yêu cầu được nuôi con chung tên là Nguyễn Hữu L, sinh ngày 05-01-2008, không yêu cầu chị Út E thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Còn hai con chung tên là Nguyễn Văn S, sinh ngày 10-01-2005 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 22-3-2013 anh Đ đồng ý để chị Út E tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đ không tự nguyện cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Riêng đối với bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ vắng mặt lần thứ hai, không có lý do, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt anh Đ là đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Út E.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị Út E và xem xét theo nguyện vọng của của cháu S và cháu L.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét thấy, Tòa án thụ lý vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn Nguyễn Hữu Đ đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay anh Đ vẫn vắng mặt lần thứ 2, không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hữu Đ là đúng theo quy định tại các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2003 Chị Nguyễn Thị Út E và anh Nguyễn Hữu Đ có tổ chức lễ cưới, sống chung với nhau đến năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Công Chí, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, hôn nhân giữa chị Út E và anh Đ là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải có tống đạt hợp lệ nhưng anh Đ không đến tham gia phiên họp và hòa giải, Tòa án Thông báo hoãn phiên họp, tống đạt hợp lệ, anh Đ ký nhận nhưng vẫn không đến, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của chị Út E.

Nhận thấy, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị Út E đã nộp đơn yêu cầu được ly hôn với anh Đ, nhưng sau đó chị Út E đã rút đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng ra Quyết định đình chỉ số 58/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 nhưng đến nay vợ chồng vẫn không thể hàn gắn tình cảm được, nên nay chị Út E yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Đồng thời, ngày 10-4-2018 chị Út E có đơn xin xác nhận tình cảm giữa chị và anh Đ như sau: *" … từ ngày sống chung thì có hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, anh Đ thường xuyên rượu chè bê tha ngày nào cũng say xỉn và thường xuyên xúc phạm danh dự nhân phẩm tôi, nhiều lần được các chị em và cha mẹ trong gia đình khuyên ngăn nhưng anh Đ vẫn chứng nào tật nấy, không ngừng mà còn ngày càng nhiều. Tôi đã ly thân với anh Đ từ năm 2014 đến nay"* được Ủy ban nhân dân xã Tân Công Chí xác nhận vào ngày 09-5-2018.

Nên xét thấy, hôn nhân giữa chị Út E và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, có sống chung cũng không hạnh phúc, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Út E theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Út E và anh Đ có 03 con chung tên là Nguyễn Văn S, sinh ngày 10-01-2005; Nguyễn Hữu L, sinh ngày 05-01-2008 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 22-3-2013.

Tại phiên tòa sơ thẩm Chị Út E yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Nguyễn Văn S, sinh ngày 10-01-2005 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 22-3-2013 và ý kiến của cháu S có nguyện vọng sống chung với chị Út E, riêng cháu N hiện sống chung với chị Út E vẫn phát triển về thể chất và tinh thần bình thường. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nghĩ nên giao cho chị Út E tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Còn đối với con chung tên là Nguyễn Hữu L, sinh ngày 05-01-2008 chị Út E đồng ý để anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, đồng thời anh Đ có ý kiến được nuôi cháu L và theo nguyện vọng của cháu L được sống chung với anh Đ nghĩ nên giao cho anh Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Anh Đ và chị Út E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng chị Út E và anh Đ không có yêu cầu, không tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Út E phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Đ không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 207, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng vào các điều 9, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Út E và anh Nguyễn Hữu Đ được ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Út E được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên là Nguyễn Văn S, sinh ngày 10-01-2005 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 22-3-2013, Anh Nguyễn Hữu Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Hữu L, sinh ngày 05-01-2008 (Hiện cháu S và cháu N đang sống chung với chị Út E, cháu L đang sống chung với anh Đ). Chị Út E và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng chị Út E và anh Đ không có yêu cầu, không tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị Út E và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Út E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Út E đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: BN/2013. 03929 ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Vậy, chị Út E đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Hữu Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 22-6-2018). Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- UBND xã Tân Công Chí;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Văn Cư